TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 56 /2019/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 464/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc " Ly hôn " giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh P.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 15 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 15 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị H.
2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể Nsau:**

a.Về con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2012; cháu Nguyễn Phi L, sinh năm 2014. Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Phi L, sinh năm 2014 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2012 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; không đặt ra ấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

b. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Không có.

d.Về án phí: chị H nhận nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0022478 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000đ còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Lưu Thùy Linh